

GLOBAL ENGLISH 3

Unit 1: Working together - Grammar 2 & Movers Writing

Đoạn văn:

It snowed every year in Charlie's village. The weather was worse this year. Charlie's school had to close and his parents couldn't go shopping or go to work. It was too dangerous to drive their small car.

 **Mẹo 1: Gạch dưới từ khóa (Underline keywords)**

Trước khi điền từ, hãy **đọc kỹ đoạn văn** và **gạch dưới từ khóa** quan trọng như:

- **Địa điểm:** Charlie's village, school
- **Thời điểm đặc biệt:** this year
- **Hành động chính:** school had to close, couldn't go shopping / to work, too dangerous to drive
- **Lý do:** bad weather, dangerous to drive

 **Ví dụ:**

Câu hỏi: The people in saw snow on the ground every year.

Câu đầu tiên trong đoạn văn ghi: "It snowed every year in Charlie's village."

 **Kết luận:** Điền "Charlie's village" **Mẹo 2: Dự đoán câu trả lời (Answer prediction)**

Khi thấy một chỗ trống trong đoạn văn, mình **đọc kỹ cả câu đó**, sau đó tự hỏi:

"Mình cần điền loại từ gì ở đây? Danh từ? Động từ? Tính từ?"

 **Ví dụ:**

Câu hỏi: In the bad weather this year, Charlie couldn't go to

Bước 1: Tìm hiểu cấu trúc câu

- Charlie couldn't go to + [chỗ trống]
→ Sau "go to" là danh từ chỉ địa điểm

Bước 2: Dùng ngữ cảnh để đoán nghĩa

- Trong đoạn văn có câu: "Charlie's school had to close..."
→ Tức là: Charlie couldn't go to school.

 **Kết luận:**

- **Loại từ cần điền:** Danh từ (chỉ địa điểm)
- **Từ phù hợp nhất:** school (trường học)
- **Lý do chọn:** Đúng ngữ pháp (sau "go to") + Hợp ngữ cảnh (do thời tiết xấu, trường phải đóng cửa)

❖ Extra vocabulary

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	pancake (n)	bánh kếp	3	website (n)	trang web
2	toothpaste (n)	kem đánh răng			

*Note: n = noun: danh từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐÒNG** vào vở ghi.

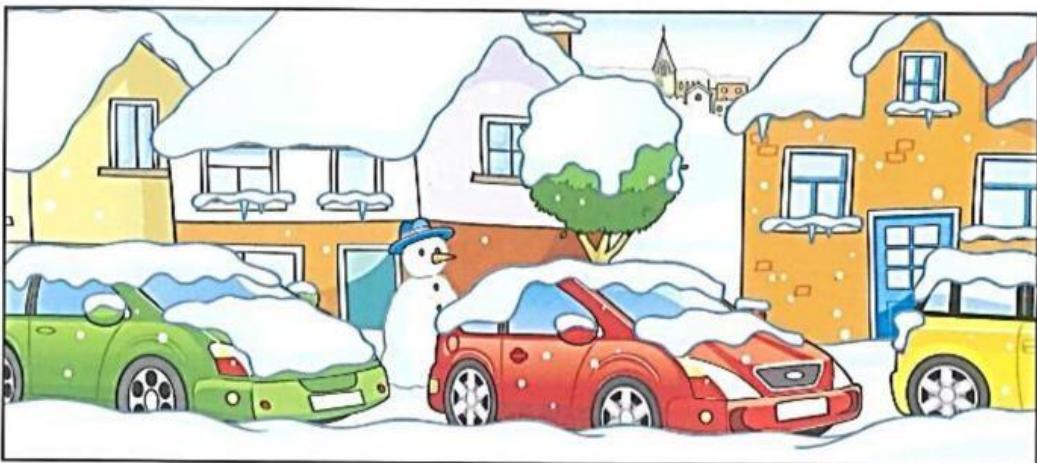
CAMBRIDGE WRITING PRACTICE

Part 5

– 7 questions –

Look at the pictures and read the story. Write some words to complete the sentences about the story. You can use 1, 2 or 3 words.

Snow day



It snowed every year in Charlie's village.

The weather was worse this year. Charlie's school had to close and his parents couldn't go shopping or go to work. It was too dangerous to drive their small car.

Examples

The people in Charlie's village saw snow on the ground every year.

In the bad weather this year, Charlie couldn't go to school.

Questions

1 Charlie's parents couldn't go to work or do any _____.

2 It wasn't safe to travel in the family's _____.



"I'd like to make some pancakes but we haven't got any milk or eggs!" Mum said on Monday morning.

"We need toothpaste, too," Dad said.

"That's OK," said Charlie. "We can get things like that on the internet! I know a good website!"

"Why doesn't it stop snowing?" said Mum that afternoon. "Oh, I'd like to be on holiday and see the sun! And I wanted to go and get tickets for the circus today!"

"That's OK," said Charlie. "I can show you pictures of sunny holiday places on the internet and a website where you can buy circus tickets!"

3 On Monday morning, Charlie's mother needed _____, and his dad needed toothpaste.

4 Charlie knew a _____ where people could buy things for the home.

5 Charlie found some photos of _____ for his mother to look at on the internet.



So the family sat around the computer and bought the things they needed and looked at photos.

Then Charlie said, 'Now I've got to do my homework. Can you help me, Dad? I've got to write about the moon.'

'Sorry, Charlie,' Dad said. 'I can't help . . . but look! Here's a good website!'

- 6 For his , Charlie had to write about the moon.
- 7 Charlie's father couldn't Charlie, but he showed him a good website!

Tên:

Lớp: S3...

Ngày giao bài: Thứ, ngày/....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/....

Ngữ pháp:

Viết:

Mini test:



GLOBAL ENGLISH 3

Unit 1: Working together - Grammar 2 & Movers Writing

A. GRAMMAR: Question words: where, what, how, who in Present simple & Present continuous
(*Từ để hỏi: where, what, how, who trong thì Hiện tại đơn và Hiện tại tiếp diễn*)

• Cách dùng

Từ để hỏi	Nghĩa	Dùng để hỏi về	Ví dụ
Where	Ở đâu	Địa điểm	- Where do you live? (Bạn sống ở đâu ?) - Where is she going? (Cô ấy đang đi đâu vậy?)
What	Cái gì / Điều gì	Sự vật / hành động	- What does he do on Sundays? (Anh ấy làm gì vào ngày chủ nhật ?) - What are you doing? (Bạn đang làm gì?)
How	Như thế nào / Bằng cách nào	Cách thức / phương tiện	- How do you go to school? (Bạn đi đến trường bằng cách nào ?) - How is he learning English? (Anh ấy học tiếng Anh như thế nào ?)
Who	Ai	Người	- Who plays the guitar? (Ai choi đàn ghi-ta?) - Who is talking? (Ai đang nói chuyện?)

• Cấu trúc

Thì	Cấu trúc	Ví dụ
Present Simple	Where/What/How + do/does + S + V?	- Where does your dad work? (Bố bạn làm việc ở đâu ?) - What do you usually eat for breakfast? (Bạn thường ăn gì vào bữa sáng ?)
	Who + V(s/es)?	- Who reads books every night? (Ai đọc sách mỗi tối ?)
Present Continuous	Where/What/How + am/is/are + S + V-ing?	- Where are you going now? (Bạn đang đi đâu vậy?) - How are the students preparing for the test? (Các bạn học sinh đang ohn kiểm tra như thế nào ?)
	Who + am/is/are + V- ing?	- Who is playing the piano? (Ai đang choi đàn piano vậy ?)

*Note: Wh-word = từ để hỏi; S = Subject: Chủ ngữ;

V = Verb: Động từ nguyên mẫu; V(s/es) = Verb(s/es): Động từ thêm s/es; V-ing = Verb-ing: Động từ thêm -ing.

B. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	pie (n)	bánh nướng nhân (như táo, thịt...)	3	brilliant (adj)	tuyệt vời, rực rỡ
2	rug (n)	thảm nhỏ (trải sàn)			

*Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐÒNG vào vở ghi.

C. HOMEWORK

I. Match each question word with its correct usage. (Nối mỗi từ để hỏi với cách dùng phù hợp của nó.)

Question Word	Meaning
0. Where	a. people
1. What	b. specific things or objects
2. How	c. manners, ways or forms
3. Who	d. positions or places

Your answer:

0 - <u>d</u>	1 - <u> </u>	2 - <u> </u>	3 - <u> </u>
--------------	---------------	---------------	---------------

II. Complete the questions using: Where, What, How, or Who.

(Hoàn thành các câu hỏi sau bằng cách dùng: Where, What, How hoặc Who.)

0. Where are my keys?

Your keys are under the table.

1. _____ is climbing the ladder right now? Tom is climbing the ladder right now.

2. _____ do you usually get to school? I usually get to school by bike.

3. _____ are they carrying? They are carrying a box.

4. _____ is speaking English? Emma is speaking English.

5. _____ do you use the rope for? I use the rope to climb the tree.

III. Read the story and answer the questions. (Đọc câu chuyện và trả lời các câu hỏi.)**What people do**

My name is Stephanie. I have a big family. My mother is Suzanne. She's 45 years old. She is a pilot. She flies planes. My father is Mark. He's 46 years old. He's a vet. He works at the animal hospital. My mom and my dad work during the week. They don't work on the weekends. My sister is Sara. She goes to college and she works at the library. She helps the local librarian. We live in a house and our house is next to the park. We like watching movies and dancing.



0. What is her name?

→ Her name is Stephanie.

1. What does her mother do?

→ Her mother _____.

2. How old is her father?

→ He _____.

3. Who works at the animal hospital?

→ _____ at the animal hospital.

4. Where is their house?

→ _____.

5. What do they like doing?

→ _____.

Part 5

– 7 questions –

Look at the pictures and read the story. Write some words to complete the sentences about the story. You can use 1, 2 or 3 words.

The picnic



Clare and Peter lived in a small flat. On Sundays, the family always went to the park to play different games, because they didn't have a garden.

Last Sunday morning, Mum said, 'Let's take a picnic too, today!' She made eight cheese sandwiches and Dad went shopping. He bought some grapes, salad leaves and four small fruit pies from the supermarket.

They drove to the park at one o'clock.

Examples

Clare and Peter's family went to the park every Sunday

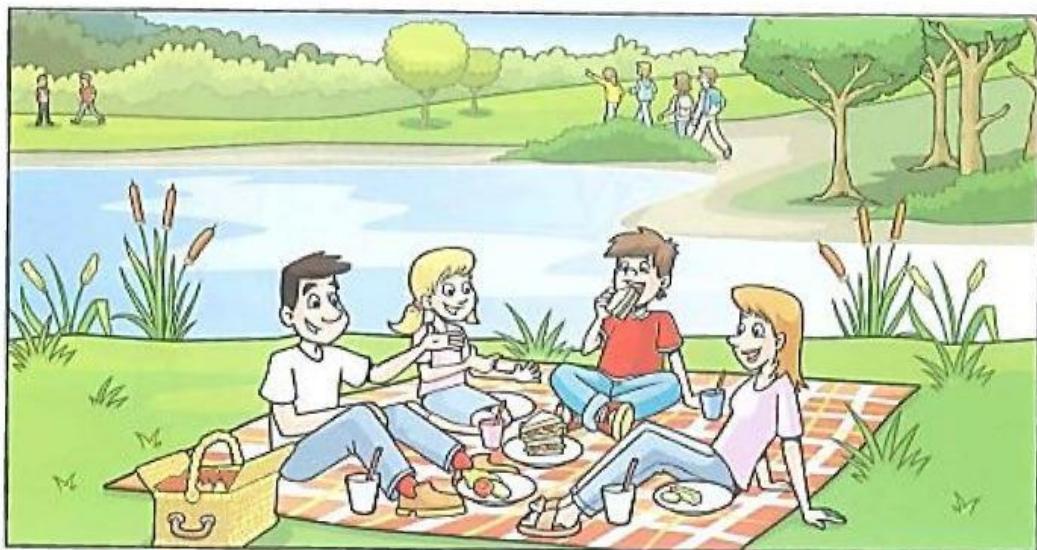
Last Sunday, Mum made eight sandwiches to put in the picnic.

Questions

1 Dad bought some drinks and more food from

.....

2 It was when the family got in their car to go to the park.



They played badminton and then sat down on some grass next to the lake. The family always enjoyed eating outside and everyone was hungry. They ate seven of the sandwiches and all four fruit pies first.

- 3 After their game of , they sat down on some grass.
- 4 The family had some sandwiches and the first.



Then some pretty little birds flew down to their picnic rug.

'They're hungry too,' said Clare and gave them three grapes and some salad leaves but the birds didn't eat them.

Then one of the birds flew on to Mum's shoulder. She looked at it and said, 'Oh, OK!' and gave the birds the last cheese sandwich! They loved it!

'How did you know that?' Clare asked. Mum smiled but didn't say anything. 'Mothers understand all kinds of things!' Dad said. 'You are brilliant, Mum!' Peter and Clare said.

- 5 The birds didn't want any grapes or
- 6 gave the last sandwich to the birds.
- 7 Peter and Clare think their mother is !

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo.
Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát a!

